

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**NGUYỄN HÀ GIANG**

**THỦ TỤC HỎI VÀ TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TÒA  
DÂN SỰ SƠ THẨM**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2011**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**KHOA LUẬT**

**NGUYỄN HÀ GIANG**

**THỦ TỤC HỎI VÀ TRANH LUẬN**  
**TẠI PHIÊN TÒA DÂN SỰ SƠ THẨM**

*Chuyên ngành* : Luật dân sự

*Mã số* : 60 38 30

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

*Người hướng dẫn khoa học*: TS. Lê Thu Hà

**HÀ NỘI - 2011**

## MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>	
<b>MỞ ĐẦU</b>	1
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỦ TỤC HỎI VÀ TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TOÀ DÂN SỰ SƠ THẨM</b>	7
1.1. Khái quát chung về phiên tòa dân sự sơ thẩm	7
1.2. Thủ tục hỏi và tranh luận những phần không thể thiếu của phiên tòa dân sự sơ thẩm	14
1.2.1. Nhận thức chung về thủ tục hỏi tại phiên tòa dân sự sơ thẩm	16
1.2.2. Nhận thức chung về thủ tục tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm	21
1.3. Các nguyên tắc của việc hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm	27
1.3.1. Các nguyên tắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự	27
1.3.2. Các nguyên tắc không thể thiếu của thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm	30
<b>Chương 2: THỦ TỤC HỎI VÀ TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TOÀ DÂN SỰ SƠ THẨM THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2004</b>	37
2.1. Thủ tục hỏi tại phiên tòa dân sự sơ thẩm	40
2.2. Thủ tục tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm	65
<b>Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỦ TỤC HỎI VÀ TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TOÀ DÂN SỰ SƠ THẨM</b>	83
3.1. Thực tiễn áp dụng thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004	83
3.1.1. Những ưu điểm và hạn chế của thực tiễn áp dụng các quy định về thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm	83
3.1.1.1. Những ưu điểm của quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng	84
3.1.1.2. Những tồn tại, hạn chế của pháp luật và thực tiễn áp dụng	87
3.1.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong thực tiễn áp dụng quy định về hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm	93
3.1.2.1. Một số quy định của pháp luật chưa hợp lý và đáp ứng yêu cầu khách quan	93
3.1.2.2. Số lượng, chất lượng của đội ngũ Thẩm phán chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu mới	94
3.1.2.3. Những hạn chế, bất cập trong chế định Hội thẩm nhân dân	96
3.1.2.4. Những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động của ngành tòa án nhân dân	97
3.2. Những bảo đảm cho việc nâng cao chất lượng thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm	99
3.2.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng dân sự nói chung và phiên tòa sơ thẩm dân sự nói riêng	99
3.2.2. Nâng cao trình độ nhận thức, chuyên môn nghiệp vụ của thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Luật sư	103
3.2.3. Nâng cao ý thức pháp luật cho quần chúng nhân dân	106
3.2.4. Bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động xét xử	108
<b>KẾT LUẬN</b>	110
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	112

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) 2004 ra đời là sự phát triển có tính bước ngoặt đối với ngành luật tố tụng dân sự (TTDS) Việt Nam. Bộ luật quy định khá đầy đủ và toàn diện các nguyên tắc cơ bản trong TTDS; trình tự thủ tục khởi kiện các vụ án dân sự; trình tự thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự tại Tòa án, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan và người tiến hành tố tụng cũng như quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia tố tụng.

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị "*Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*" và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 về "*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*" đã đánh giá về tình hình công tác tư pháp trong những năm vừa qua ở nước ta là "*Công tác tư pháp đã đạt được nhiều kết quả, góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, phục vụ tích cực công cuộc đổi mới... Tuy nhiên, chất lượng công tác tư pháp nói chung chưa ngang tầm với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân...*" "*Chính sách hình sự, chế định về pháp luật dân sự và pháp luật về tố tụng tư pháp còn nhiều bất cập, chậm được sửa đổi, bổ sung..., nhiệm vụ cải cách tư pháp đang đứng trước nhiều thách thức... các tranh chấp dân sự, kinh tế, lao động... có chiều hướng tăng về số lượng và phức tạp, đa dạng hơn*".

Để có những chuyển biến mạnh mẽ trong công tác tư pháp, thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nghị quyết đã đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian đến năm 2020, trong đó đặc biệt nhấn mạnh "*... bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác... khi xét xử, các Tòa án phải bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan, thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, việc phán quyết của tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định*".

Xét xử là giai đoạn quan trọng nhất của quá trình giải quyết vụ án nói chung, vụ án dân sự nói riêng. Một vụ án có thể tiến hành bằng một giai đoạn xét xử sơ thẩm nhưng cũng có thể phải tiến hành tiếp qua các giai đoạn xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm. Tuy nhiên xét xử sơ thẩm vụ án dân sự đóng một vai trò hết sức quan trọng, bởi lẽ lần đầu tiên vụ án được đưa ra xét xử công khai, qua việc hỏi và tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định bản chất nội dung vụ án... việc tuân thủ chặt chẽ các quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa, đặc biệt là thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm sẽ bảo đảm cho công tác xét xử được chính xác, toàn diện, khách quan, phát huy được tính phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật của công tác xét xử nói chung và của phiên tòa nói riêng. Qua xét xử sơ thẩm nếu Tòa án ra bản án đúng pháp luật thì không phát sinh việc kháng cáo, kháng nghị, không có việc xét xử lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, tạo được tính ổn định nhanh chóng của bản án, tiết kiệm được thời gian, công sức cũng như tài sản của nhà nước và công dân.

Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khách quan cũng như nguyên nhân chủ quan, hiện tượng vi phạm các quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi. Việc hỏi tại phiên tòa còn phiến diện, không đầy đủ, tranh luận giữa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và những người tham gia tố tụng khác chưa thật sự dân chủ và bình đẳng. Hậu quả là có việc xét xử sai, gây thiệt hại đến các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, làm ảnh hưởng không nhỏ đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và các cơ quan tư pháp.

Để khắc phục tình trạng nói trên, trên cơ sở quán triệt tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW về "*Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*" và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 về "*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*" của Bộ Chính trị để thực hiện tốt công cuộc cải cách tư pháp đang được triển khai sâu rộng trên cả nước, với nhiệm vụ "*Đổi mới việc tổ chức các phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp*" thì việc nghiên cứu đề bổ sung cho lý luận về thủ tục tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm xét xử các vụ án dân sự, góp phần khắc phục các nguyên nhân làm phát sinh các vi phạm thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, nâng cao hiệu quả và chất lượng của phiên tòa dân sự sơ thẩm là

một trong những vấn đề quan trọng và cần thiết. Vì những lý do trên tôi đã chọn đề tài "**Thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm**" làm luận văn Thạc sỹ luật học của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Đề tài này đã được một số chuyên gia nghiên cứu về luật dân sự Việt Nam, các luật gia, các thẩm phán có nhiều năm làm công tác xét xử đề cập đến như: PGS.TS Trần Văn Độ với bài: *Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa*, Luật sư Nguyễn Văn Chiến với bài: *Nâng cao kỹ năng tranh tụng của Luật sư Việt Nam bên thêm hội nhập*, Luận văn thạc sỹ Luật học: *Các cấp xét xử trong tố tụng dân sự Việt Nam*, của Lê Thị Hà; Luận văn thạc sỹ Luật học: *Thủ tục tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm dân sự - Cơ sở lý luận và thực tiễn*, của Nguyễn Thị Thu Hà...

Tuy nhiên, những bài viết và các công trình nghiên cứu này chưa làm rõ được trình tự, thủ tục và vị trí vai trò của Hội đồng xét xử, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự, kiểm sát viên... trong quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm... Vì vậy việc tiếp tục nghiên cứu về thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn.

## **3. Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài này chỉ nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm và những bảo đảm nâng cao chất lượng thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm.

## **4. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn**

*Mục đích:* Làm rõ chủ thể, phạm vi, trình tự, thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm.

*Nhiệm vụ:*

- Làm rõ nội dung, mục đích, ý nghĩa của các nguyên tắc thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm.
- Nghiên cứu các quy định của pháp luật TTDS Việt Nam và thực tiễn áp dụng, từ đó chỉ ra những bảo đảm cho việc nâng cao chất lượng thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm.

## **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài**

Cơ sở lý luận của đề tài là: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về giải quyết các tranh chấp dân sự và cải cách tư pháp trong tình hình mới. Học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin về tổ chức bộ máy nhà nước và những thành tựu của khoa học pháp lý thế giới và Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu luận văn dựa vào chủ nghĩa duy vật biện chứng, phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp chứng minh.

## **6. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Những vấn đề chung về thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm.

*Chương 2:* Thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004.

*Chương 3:* Thực tiễn áp dụng và các giải pháp nâng cao chất lượng thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm.

### **Chương 1**

## **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỦ TỤC HỎI VÀ TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TÒA DÂN SỰ SƠ THẨM**

### **1.1. Khái quát chung về phiên tòa dân sự sơ thẩm**

*Phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự là hình thức tổ chức hoạt động xét xử vụ án lần đầu của tòa án, do Tòa án có thẩm quyền thực hiện theo một trình tự, thủ tục nhất định.*

Tại phiên tòa sơ thẩm dân sự, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên phụ thuộc vào phán quyết của tòa án dựa trên cơ sở xem xét, đánh giá chứng cứ, kết quả của việc hỏi và tranh luận tại phiên tòa cũng như hoạt động áp dụng pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX). Tại phiên tòa, mọi tình tiết của vụ án đều được trình bày, kiểm tra, đánh giá một cách công khai, những người tham gia tố tụng được công khai tranh tụng, đưa ra lý lẽ, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc bác bỏ những lý lẽ, lập luận, chứng cứ của người khác. Tại phiên tòa, ý chí và sự tự nguyện của các đương sự luôn được tôn trọng và xem xét trước tiên.

### **1.2. Thủ tục hỏi và tranh luận những phần không thể thiếu của phiên tòa dân sự sơ thẩm**

#### **1.2.1. Nhận thức chung về thủ tục hỏi tại phiên tòa dân sự sơ thẩm**

Hỏi tại phiên tòa là một phần, một giai đoạn quan trọng của quá trình xét xử một vụ án nói chung, vụ án dân sự nói riêng. Đây là cuộc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ chính thức công khai được thực hiện qua việc hỏi nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác,.. nhằm kiểm tra các chứng cứ và làm sáng tỏ mọi tình tiết của vụ án. Trên cơ sở đó HĐXX xác định: quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp là gì? Tư cách đương sự trong vụ án? Điều luật nào được áp dụng? Tính hợp pháp của các chứng cứ, những thiệt hại xảy ra... để có các quyết định đúng đắn. Một nguyên tắc đối với HĐXX là chỉ được dùng những chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa để làm căn cứ khi ra bản án. Theo như quy định hiện hành thì gần như vai trò chứng minh tại phiên tòa thuộc về HĐXX, quy định như vậy đã vô hình chung làm cho giai đoạn tranh luận bị mờ nhạt, hầu như không còn nhiều ý nghĩa và thực tiễn xét xử hiện nay hầu hết các phiên tòa dân sự nói chung, phiên tòa DSST nói riêng các đương sự không tham gia tranh luận. Đây là điều bất hợp lý, cần nghiên cứu sửa đổi để phân định rõ ràng ranh giới của việc hỏi và tranh luận một cách hợp lý và nâng cao tính tranh tụng tại phiên tòa

Tại phiên tòa sơ thẩm dân sự thì theo luật định các chủ thể được quyền tham gia hỏi gồm có: HĐXX, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự và kiểm sát viên (nếu Kiểm sát viên tham gia phiên tòa) và những người tham gia tố tụng khác.

\* Thủ tục hỏi tại phiên tòa có những ý nghĩa nổi bật sau:

- Hỏi tại phiên tòa là một bước quan trọng của quá trình xét xử, đây là cuộc thẩm tra chính thức công khai đầu tiên, là hình thức kiểm nghiệm kết quả thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Hỏi tại phiên tòa là tiền đề, là cơ sở cho việc tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở hỏi tại phiên tòa, các bên tham gia tố tụng căn cứ vào những tình tiết, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa đưa ra những lập luận, lý lẽ bảo vệ quan điểm của mình trong quá trình tranh luận.

- Bằng việc làm sáng tỏ các tình tiết khách quan của vụ án, hỏi tại phiên tòa có ý nghĩa phổ biến, giáo dục pháp luật cho quần chúng nhân dân tham dự phiên tòa.

### **1.2.2. Nhận thức chung về thủ tục tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm**

Tranh luận tại phiên tòa là hoạt động trung tâm của phiên tòa sơ thẩm dân sự, là một thủ tục, một phần độc lập của phiên tòa dân sự sơ thẩm trong đó các bên đương sự đưa ra những lập luận, lý lẽ của mình về các chứng cứ, tình tiết của vụ án đã được làm rõ tại phần hỏi, đối đáp lại phía đối lập nhằm thuyết phục HĐXX chấp nhận đề nghị của mình và bác bỏ đề nghị của phía đối lập. Hoạt động tranh luận tại phiên tòa chính là quá trình các bên đương sự thực hành các quyền tự do, dân chủ nói chung và các quyền và nghĩa vụ của họ trong pháp luật TTDS nói riêng, đề cao vai trò chủ động của đương sự trong việc tranh luận tại phiên tòa, bảo đảm cho họ bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Qua nghiên cứu rút ra một số ý nghĩa cơ bản của việc tranh luận tại phiên tòa như sau:

- Trong quá trình xét xử nói chung, xét xử sơ thẩm nói riêng, giai đoạn tranh luận giữ một vị trí hết sức quan trọng. Để có bản án, quyết định đúng pháp luật, thấu tình đạt lý, HĐXX ngoài việc độc lập nghiên cứu hồ sơ của vụ án một cách khách quan, toàn diện cũng cần phải chú ý lắng nghe ý kiến tranh luận của các bên đương sự trong vụ án.

- Tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm không những có tác dụng đối với Hội đồng xét xử mà còn có ý nghĩa tuyên truyền giáo dục pháp luật một cách sâu rộng đối với quần chúng nhân dân tham dự phiên tòa.

### **1.3. Các nguyên tắc của việc hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm**

#### **1.3.1. Các nguyên tắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự**

*Nguyên tắc là những đòi hỏi xuất phát từ những nhu cầu khách quan và chủ quan và có khả năng đặt ra những yêu cầu chỉ đạo chi phối những hành vi, hành động của con người.*

Để việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự được nghiêm minh, đúng pháp luật bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, không có những sai sót xảy ra thì các hoạt động tố tụng phải được diễn ra theo một trình tự, thủ tục nghiêm ngặt, phải bảo đảm thực hiện đúng những nguyên tắc TTDS. Theo chúng tôi những nguyên tắc đó là:

- Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong TTDS

- Nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong TTDS;

- Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự cũng như quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình trước

Toà án;

- Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng;

- Nguyên tắc Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử vụ án dân sự và thành phần của Hội đồng xét xử;

- Nguyên tắc Thẩm phán và hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật;

- Nguyên tắc xét xử công khai;
- Nguyên tắc Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số;
- Nguyên tắc xét xử trực tiếp bằng lời nói và liên tục;
- Nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự;
- Nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong TTDS và bình đẳng của các bên trước Tòa án;
- Nguyên tắc hoà giải TTDS.

### **1.3.2. Các nguyên tắc không thể thiếu của thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm**

#### **1. Nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp, liên tục và bằng lời nói**

Hiến pháp nước ta ghi nhận nguyên tắc này và BLTTDS cụ thể hoá và coi đó là một trong những nguyên tắc cơ bản của TTDS (Đ15 BLTTDS).

*Xét xử công khai* có nghĩa rằng mọi câu hỏi do HĐXX, các bên đương sự, Kiểm sát viên...đặt ra hỏi một ai đó... thì phải hỏi to, rõ ràng tại phiên toà, không dấu diếm một ai, mà tất cả những người tham gia dự phiên toà đều biết được.

*Xét xử trực tiếp bằng lời nói và liên tục:* Điều 197 BLTTDS.

*Xét xử trực tiếp* là việc HĐXX trực tiếp xem xét những chứng cứ của vụ án thông qua việc hỏi tại phiên toà chứ không phải chỉ căn cứ vào hồ sơ. Tòa án có trực tiếp kiểm tra lại các chứng cứ thì mới có thể xét xử được chính xác, nếu chứng cứ chưa được xem xét tại phiên toà thì dù chứng cứ đó đã được Tòa án thu thập hoặc do bất cứ ai cung cấp cũng không được dùng làm căn cứ khi ra bản án.

*Xét xử bằng lời nói* là việc tranh luận, hỏi những người tham gia tố tụng về mọi tình tiết của vụ án bằng lời nói. Những người đó phải được trình bày tại phiên toà đầy đủ về những vấn đề mà họ thấy cần thiết. Việc xét xử bằng lời nói luôn luôn gắn liền với việc xét xử trực tiếp, vì xét xử trực tiếp đòi hỏi phải xét xử bằng lời nói.

*Xét xử liên tục* có nghĩa là khi xét xử một vụ án, Tòa án phải tiến hành liên tục từ khi tiến hành thủ tục bắt đầu phiên toà cho đến khi tuyên án xong. Để bảo đảm nguyên tắc xét xử liên tục thì các Thẩm phán và hội thẩm phải có mặt liên tục tại phiên toà để nắm rõ các tình tiết của vụ án.

#### **2. Nguyên tắc quyền yêu cầu tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp (Điều 4 BLTTDS)**

Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự nói chung cũng như tại phần hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm nói riêng, tòa án phải tôn trọng việc thay đổi, bổ sung, rút một phần hay toàn bộ yêu cầu của đương sự. Tòa án chỉ giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu của đương sự. Ngoài ra, theo nguyên tắc này, các đương sự có quyền thuê, nhờ, ủy quyền cho luật sư hay người khác làm người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình trong quá trình giải quyết vụ án.

#### **3. Nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự (Điều 5 BLTTDS).**

Đây là một trong những nguyên tắc đặc trưng của pháp luật TTDS. Đương sự có quyền quyết định và tự định đoạt đối với yêu cầu của họ trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự có quyền thay đổi, bổ sung, rút một phần hay toàn bộ yêu cầu, HĐXX chỉ xét xử trong phạm vi yêu cầu đó.

#### **4. Nguyên tắc hòa giải trong TTDS (Điều 10 BLTTDS)**

Hòa giải trong TTDS cũng là một trong những nguyên tắc đặc trưng của TTDS. Tại phiên tòa sơ thẩm dân sự, HĐXX phải hỏi các đương sự có thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án hay không, HĐXX có trách nhiệm hướng dẫn và tạo điều kiện cho các đương sự trong quá trình hòa giải, đồng thời bảo đảm cho việc hòa giải dựa trên cơ sở tự nguyện và đúng pháp luật.

#### **5. Nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong TTDS (Điều 6 BLTTDS)**

Khi đương sự đưa ra yêu cầu, đề nghị để tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì đồng thời có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu, đề nghị của mình là có căn cứ. Nguyên tắc này đòi hỏi tòa án phải tôn trọng các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp. Tòa án không được tự ý đi thu thập chứng cứ khi đương sự không yêu cầu. Đương sự cung cấp chứng cứ đến đâu, tòa án xem xét đến đó. Các đương sự phải chịu hậu quả của việc không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ.

#### **6. Nguyên tắc tranh luận (hiện chưa được quy định)**

Tranh luận là thể hiện đậm nét nhất, tập trung nhất nội dung của tranh tụng. Tại đây các bên đương sự đưa ra quan điểm của mình trên cơ sở hỏi tại phiên toà để chỉ ra sự tồn tại hay không tồn tại các sự kiện và mối liên hệ logic giữa các sự kiện, tình tiết của vụ án và chỉ ra những hợp lý hoặc bất hợp lý của đương sự khác, từ đó lập luận, viện dẫn các các

căn cứ pháp luật đưa ra kết luận khẳng định hoặc bác bỏ nội dung, tinh tiết, ý kiến nào đó và đề nghị với HĐXX về hướng giải quyết vụ án... Mục đích của tranh luận là tìm ra sự thật khách quan của vụ án.

## Chương 2

### THỦ TỤC HỎI VÀ TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TÒA DÂN SỰ SƠ THẨM THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2004

#### 2.1. Thủ tục hỏi tại phiên tòa dân sự sơ thẩm

Thủ tục hỏi tại phiên tòa là thủ tục chính thức đi vào giải quyết phần nội dung của vụ án. Việc hỏi tại phiên tòa là để xem xét các chứng cứ trong vụ án thông qua việc hỏi những người tham gia tố tụng. Vì vậy, HĐXX phải xác định đầy đủ các tinh tiết của vụ án bằng cách nghe lời trình bày của các đương sự... Thủ tục hỏi tại phiên tòa được quy định tại mục 3 chương XIV BLTTDS với 15 điều, từ Điều 217 đến Điều 231, đã sửa đổi cơ bản so với Pháp lệnh TTGQCVADS nhằm cụ thể hoá Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị. Cụ thể như sau:

Việc tiến hành hỏi tại phiên tòa được thực hiện theo nguyên tắc và thứ tự: hỏi đương sự về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu, sau đó nghe lời trình bày của đương sự. Khi hỏi, *Chủ tọa phiên tòa hỏi trước, rồi đến các hội thẩm nhân dân, sau đó người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự và những người tham gia tố tụng khác, trường hợp có kiểm sát viên tham gia phiên tòa thì kiểm sát viên hỏi sau đương sự* (Điều 222 BLTTDS). Như vậy, quy định về thủ tục hỏi tại phiên tòa của BLTTDS đã có thay đổi căn bản so với quy định tại Pháp lệnh TTGQCVADS năm 1989 về trình tự hỏi, cách thức tiến hành thủ tục hỏi tại phiên tòa ra sao được quy định rất cụ thể nhằm bảo đảm tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự cũng như bảo đảm yếu tố tranh tụng tại phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Để có cơ sở nhận định được chính xác các tinh tiết của vụ án một cách khách quan, toàn diện thông qua việc xem xét, phân tích, đánh giá tài liệu chứng cứ tại phiên tòa thì HĐXX phải thực hiện việc hỏi các bên đương sự liên quan để có cái nhìn toàn cảnh về nội dung vụ việc. Bên cạnh đó để các đương sự thực hiện quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như nghĩa vụ chứng minh cho các yêu cầu, ý kiến của họ thì họ phải tham gia tích cực vào quá trình hỏi tại phiên tòa để làm sáng tỏ các tinh tiết của vụ, trên cơ sở đó giúp HĐXX nhận định và đưa ra những phán quyết đúng pháp luật.

Để tránh tình trạng hai người cùng muốn hỏi một lúc xảy ra thì với vai trò là CTPT, chủ tọa cần điều khiển việc hỏi cho hợp lý.

\* Thủ tục hỏi được bắt đầu bằng việc chủ tọa phiên tòa hỏi đương sự các vấn đề sau đây: Hỏi đương sự có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của họ hay không (theo Điều 217 BLTTDS).

Việc chủ tọa phiên tòa hỏi đương sự các vấn đề như trên trước khi hỏi về nội dung vụ án nhằm khẳng định quyền tự định đoạt của đương sự trong việc giải quyết vụ án. Tòa án chỉ tiếp tục giải quyết vụ án khi đương sự vẫn tiếp tục yêu cầu. Trong quá trình tố tụng các đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi, bổ sung các yêu cầu của mình; có quyền thỏa thuận với nhau về các vấn đề tranh chấp mà không trái pháp luật và đạo đức xã hội.. Theo quy định tại Điều 218 BLTTDS thì việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu của đương sự chỉ được HĐXX chấp nhận nếu nó không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập. Nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện và không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội thì HĐXX ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc giải quyết vụ án. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc giải quyết vụ án phải được lập thành văn bản và có hiệu lực pháp luật (Điều 220).

\* Nghe lời trình bày của đương sự: Điều 221 BLTTDS

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày yêu cầu của nguyên đơn và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Nguyên đơn có quyền bổ sung ý kiến...

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn và chứng cứ để chứng minh cho đề nghị đó là có căn cứ và hợp pháp. Bị đơn có quyền bổ sung ý kiến.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu đề nghị của nguyên đơn, bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi,



nghĩa vụ liên quan và chứng cứ để chứng minh cho đề nghị đó là có căn cứ và hợp pháp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền bổ sung ý kiến.

Trong trường hợp nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình thì họ tự trình bày về yêu cầu, đề nghị của mình và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị đó là có căn cứ và hợp pháp.

Quy định này tạo tính ổn định, thống nhất cho việc hỏi tại phiên tòa dân sự sơ thẩm. Trước khi tiến hành việc hỏi đòi hỏi Chủ tọa phiên tòa phải nghiên cứu kỹ nội dung và các tình tiết của vụ án để có kế hoạch hỏi cho hợp lý. Chủ tọa phiên tòa phải dự tính trước thứ tự hỏi đó là như thế nào tùy theo tính chất từng vụ án.

**Hỏi nguyên đơn: theo quy định tại khoản 2 Điều 223 BLTTDS thì:** chỉ hỏi nguyên đơn về những vấn đề mà Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn trình bày chưa rõ, có mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với lời khai của họ trước đó, mâu thuẫn với lời trình bày của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này.

Đối với vụ án có nhiều nguyên đơn thì phải hỏi riêng từng nguyên đơn, tùy vào từng vụ án, qua nghiên cứu hồ sơ mà chủ tọa phiên tòa quyết định hỏi nguyên đơn nào trước, nguyên đơn nào sau. Thông thường nên hỏi nguyên đơn có khả năng trình bày lưu loát, đầy đủ và rõ ràng nhất các sự kiện, tình tiết của vụ án. Khi hỏi nguyên đơn thứ nhất Chủ tọa phiên tòa cho người này trình bày về các tình tiết của vụ án, sau đó đặt các câu hỏi về những vấn đề mà họ trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn. Việc hỏi từ nguyên đơn thứ hai trở đi thì không yêu cầu họ trình bày lại sự việc mà hỏi họ đã nghe rõ lời trình bày của nguyên đơn đã khai trước đó không? Có ý kiến gì về lời khai đó không? Nếu họ thừa nhận lời khai đó là đúng thì đặt các câu hỏi về những tình tiết, vấn đề cụ thể cần làm rõ. Nếu họ cho rằng lời khai đó là không đúng thì phải hỏi xem không đúng ở chỗ nào và yêu cầu họ khai về vấn đề cụ thể để làm rõ và tiến hành đối chất giữa những người đó để làm rõ vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

+ **Hỏi bị đơn: theo quy định tại khoản 2 Điều 224 BLTTDS thì:** chỉ hỏi bị đơn về những vấn đề mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, bị đơn trình bày chưa rõ, có mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với lời khai của họ trước đó, mâu thuẫn với yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này.

Việc hỏi bị đơn cũng tương tự như việc hỏi nguyên đơn như đã trình bày ở trên về cách thức, trình tự, thủ tục và những vấn đề liên quan đến nội dung vụ án.

+ **Hỏi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: theo quy định tại khoản 2 Điều 225 BLTTDS thì:** chỉ hỏi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về những vấn đề mà họ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày chưa rõ, có mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với những lời khai của họ trước đó, mâu thuẫn với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của bị đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này.

Khi hỏi những người này thì HĐXX để họ trình bày về những tình tiết của vụ án liên quan đến họ. Sau đó HĐXX, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Kiểm sát viên (nếu có) hỏi thêm về những điểm mà họ trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn và những vấn đề cần thiết khác để làm rõ các sự kiện, tình tiết cần chứng minh.

+ **Hỏi người làm chứng:** Chủ tọa phiên tòa yêu cầu người làm chứng trình bày rõ những tình tiết vụ án mà họ đã biết, sau đó mới hỏi thêm về những điểm mà họ khai chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Kiểm sát viên có thể hỏi thêm người làm chứng. Khi hỏi người làm chứng thì HĐXX phải hỏi vì sao họ lại biết được tình tiết đó, nếu họ không trả lời được vì sao lại biết thì lời khai của người làm chứng đó là không đáng tin cậy nên không thể dùng làm chứng cứ được. Trong trường hợp người làm chứng không trả lời hoặc không khai tại phiên tòa thì chủ tọa phiên tòa có thể công bố lời khai của họ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Đối với người làm chứng là người chưa thành niên thì chủ tọa phiên tòa có thể yêu cầu cha, mẹ, người đỡ đầu hoặc thầy giáo, cô giáo giúp đỡ để hỏi.

+ **Hỏi người giám định:** Người giám định có mặt tại phiên tòa không phải là bắt buộc mà tùy từng trường hợp nếu xét thấy sự có mặt của người giám định tại phiên tòa là cần thiết thì Tòa án mới triệu tập họ đến phiên tòa. Việc hỏi người giám định tại phiên tòa chỉ được tiến hành sau khi người giám định trình bày kết luận của mình về vấn đề được giao giám định, giải thích bổ sung về kết luận giám định, các căn cứ để đưa ra kết luận giám định và cũng chỉ được hỏi những gì còn chưa rõ hoặc mâu thuẫn trong kết luận giám định hoặc có mâu thuẫn với những tình tiết khác của vụ án. Trong trường hợp người

giám định vắng mặt tại phiên tòa thì chủ tọa phiên tòa công bố kết luận giám định, việc công bố kết luận giám định này là bắt buộc đối với chủ tọa phiên tòa.

+ **Xem xét vật chứng:** Trong quá trình hỏi, HĐXX có thể kết hợp đưa vật chứng ra xem xét hoặc công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án (ảnh, biên bản xác nhận vật chứng) nhằm chứng minh các tình tiết của vụ án và kiểm tra các tài liệu, chứng cứ khác.

+ **Xem xét tại chỗ** (đoạn 2 Điều 229): Trong trường hợp cần xem xét vật chứng công kênh, bất động sản không thể đưa đến phiên tòa được thì HĐXX quyết định xem xét tại chỗ.

+ **Công bố các tài liệu của vụ án:** khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX chỉ công bố lời khai của họ trong trường hợp:

a- *Người tham gia tố tụng không có mặt tại phiên tòa mà trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã có lời khai;*

b- *Những lời khai của người tham gia tố tụng tại phiên tòa mâu thuẫn với những lời khai trước đó;*

c- *Trong các trường hợp khác (người khai đã chết...) mà Tòa án thấy cần thiết hoặc có yêu cầu của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng;*

Đối với những trường hợp phải giữ bí mật nhà nước, bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật đời tư... thì HĐXX không phải công bố các tài liệu này.

Các điều luật này quy định HĐXX và những chủ thể có quyền hỏi khác hỏi về những tình tiết trình bày chưa rõ, có mâu thuẫn... Theo chúng tôi nên quy định HĐXX điều khiển, giữ gìn trật tự phiên tòa và quyết định cho ai hỏi, cho ai nói...; còn việc hỏi chủ yếu là của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác. Vì người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn có trách nhiệm bảo vệ yêu cầu mà họ đã đưa ra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, bị đơn có trách nhiệm bảo vệ cho quan điểm, ý kiến và yêu cầu phản tố của mình nhằm bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn, bảo vệ yêu cầu phản tố của bị đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi của mình trong vụ án. Có như vậy mới chấm dứt được tình trạng lẽ ra người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự phải là người bảo vệ yêu cầu, ý kiến của mình tại phiên tòa thì lại là "*người chứng kiến*" việc chủ tọa phiên tòa và HĐXX bảo vệ thay họ và như vậy sẽ nâng cao ý thức pháp luật cũng như ý thức tự bảo vệ mình của nhân dân, làm nổi bật vai trò của Luật sư khi tham gia các hoạt động tố tụng và quan trọng hơn cả là để Tòa án mà trọng tâm là HĐXX đứng đúng vị trí vốn có của mình đó là người trọng tài trong việc giải quyết các vụ việc dân sự, bảo đảm phiên tòa diễn ra theo đúng tính chất là phiên tòa tranh tụng theo tinh thần cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

Trong những năm áp dụng các quy định của BLTTDS năm 2004 có thể thấy một thiếu sót phổ biến của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa là khi hỏi đã có định kiến từ trước, quá tin vào những chứng cứ, tài liệu đã được chính Thẩm phán thu thập trong hồ sơ vụ án vì vậy nên đã cho rằng các tình tiết của vụ án đã được làm sáng tỏ và đã có đủ căn cứ kết luận. Chính vì vậy ở nhiều phiên tòa, việc hỏi của Thẩm phán đối với những người tham gia tố tụng không tránh khỏi sự phiến diện, sơ sài, thậm chí có khi có chi tiết không được thẩm vấn, xác minh công khai tại phiên tòa.

- *Về chủ thể và trình tự hỏi:*

Về chủ thể và trình tự hỏi được quy định tại Điều 222 BLTTDS năm 2004. Quyền được hỏi trực tiếp có ở những chủ thể trên, song không phải tính chất của các quyền này với các chủ thể là như nhau.

Một trong những hạn chế của Pháp lệnh TTGQCVADS năm 1989 là không quy định *cho đương sự và những người tham gia tố tụng khác* được tham gia xét hỏi. Mặc nhiên gánh nặng chứng minh để bảo vệ cho quyền và lợi ích của các bên đương sự được dồn lên vai HĐXX, dẫn đến tình trạng có trường hợp tại phiên tòa các bên đương sự thích thì trình bày, không thích thì thôi mặc dù họ là người đưa ra yêu cầu hoặc có ý kiến trong quá trình tố tụng làm khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Chính vì vậy quy định họ có quyền được hỏi để tạo dựng lại toàn cảnh bức tranh sự việc có tranh chấp, qua đó giúp HĐXX cũng như những người tham gia phiên tòa nắm bắt được đầy đủ các tình tiết, bản chất của sự việc. Quy định hiện nay chỉ mang tính chất trao quyền được hỏi cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và đương sự mà đó không phải là nghĩa vụ của họ. Như vậy là điều bất hợp lý, không bảo đảm yếu tố tranh tụng. Theo chúng tôi, cần quy định trong thủ tục hỏi, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và đương sự bắt buộc phải tham gia hỏi để chứng minh và bảo vệ cho các yêu cầu, ý kiến của mình, còn HĐXX chủ yếu giữ vai trò trọng tài, điều khiển toàn bộ quá trình tố tụng tại phiên tòa.

Để bảo đảm việc tranh tụng tại phiên tòa dân sự dân chủ, khách quan, chủ tọa phiên tòa hướng dẫn, điều khiển để việc hỏi diễn ra theo một trình tự luật định và phù hợp từng vụ án cụ thể. Vai trò của chủ tọa phiên tòa được ví như "một trọng tài", mọi cử chỉ hành động của chủ tọa phiên tòa phải thể hiện tính khách quan, công minh và đúng pháp luật.

Tóm lại, việc hỏi tại phiên tòa là một giai đoạn rất quan trọng của phiên tòa dân sự sơ thẩm, là hoạt động xác định các tình tiết của vụ án thông qua việc kiểm tra, xem xét các chứng cứ, tài liệu một cách công khai, nó cho phép đưa ra chứng cứ một cách khách quan, toàn diện về vụ án. Nó là giai đoạn có tính chất quyết định chứng minh cho các yêu cầu, ý kiến của các đương sự.

## **2.2. Thủ tục tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm**

Tranh luận là hoạt động trung tâm của phiên tòa sơ thẩm dân sự, là quá trình đấu trí giữa các đương sự. Thông qua việc trình bày, phát biểu, xem xét, kiểm tra, đánh giá chứng cứ tại phiên tòa các đương sự đưa ra lý lẽ, lập luận và viện dẫn pháp luật chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ hoặc phản bác yêu cầu (phản yêu cầu) của phía bên kia nhằm thuyết phục HĐXX giải quyết vụ án theo quan điểm đề xuất của họ. Qua tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nghe các lý lẽ, lập luận bảo vệ yêu cầu cũng như phản bác yêu cầu, đưa ra ý kiến của các bên đương sự để giúp cho mình giải quyết vụ án một cách toàn diện, đầy đủ, khách quan. Một trong những nguyên tắc quan trọng của giai đoạn này là HĐXX không tham gia tranh luận mà chỉ điều khiển bảo đảm cho việc tranh luận diễn ra một cách khách quan, tích cực.

Theo Điều 51 Pháp lệnh TTGQCVADS, thủ tục tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm quy định rất khái quát, chưa thật sự thể hiện yếu tố tranh tụng. Để khắc phục hạn chế nêu trên, Điều 233 BLTTDS quy định như sau: "*Khi phát biểu về đánh giá chứng cứ, đề xuất quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án, người tham gia tranh luận phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa cũng như kết quả việc hỏi tại phiên tòa*". Quy định này đã cụ thể hoá và thể hiện đầy đủ nguyên tắc tranh tụng, đồng thời nó xác định đầy đủ, cụ thể và rõ ràng hơn trách nhiệm của người tham gia tranh luận khi trình bày tại phiên tòa. Lý lẽ và quan điểm đề xuất của mỗi bên phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và kết quả của việc hỏi tại phiên tòa, phù hợp với diễn biến của phiên tòa.

Về trình tự phát biểu khi tranh luận: Theo Điều 51 PLTTGQCVADS thì trình tự phát biểu khi tranh luận không được quy định cụ thể ai phát biểu trước, ai phát biểu sau.

Điều 232 BLTTDS, trình tự này là bắt buộc và theo thứ tự sau: "*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu. Nguyên đơn có quyền bổ sung ý kiến...*".

Ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn là công cụ để thực hiện việc bảo vệ yêu cầu khởi kiện cũng như các quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trước tòa, nó thể hiện tập trung nhất quan điểm của phía nguyên đơn buộc bị đơn và chủ thể khác có liên quan đến vụ án phải chịu trách nhiệm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

*"Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu. Bị đơn có quyền bổ sung ý kiến"*

Ý kiến phát biểu của phía bị đơn thường mang ý nghĩa ngược lại với ý kiến phát biểu của phía nguyên đơn. Nó là công cụ để thực hiện việc bảo vệ yêu cầu phản tố (nếu có) cũng như các quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trước tòa, nó thể hiện tập trung nhất quan điểm của phía bị đơn đối với yêu cầu, ý kiến của phía nguyên đơn cũng như của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án....

*"Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phát biểu. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền bổ sung ý kiến"*. Việc phát biểu cũng phải căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Họ cũng có quyền rút một phần hay toàn bộ yêu cầu của mình và đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đó...

Việc quy định thành phần tham gia tranh luận tại phiên tòa nêu trên xuất phát từ những đặc thù riêng của TTDS.

*"Trong tố tụng dân sự, quyền và lợi ích của đương sự do đương sự định đoạt và quyết định. Tòa án có trách nhiệm tôn trọng và hướng dẫn họ định đoạt, quyết định không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy các quy định của BLTTDS đều coi đương sự, người đại diện hay Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ là những người có vai trò tích cực, chủ động và quyết định trong việc giải quyết vụ án"*.

Mọi diễn biến của quá trình tranh luận xoay quanh việc đánh giá, phân tích chứng cứ, tranh luận bảo vệ lý lẽ của mỗi bên, đưa ra các chứng cứ, lập luận để bác bỏ lý lẽ của phía bên kia và chỉ rõ việc áp dụng quy phạm pháp luật nội dung nào để giải quyết vụ án

- *Phần đối đáp*: Điều 233 BLTTDS, những người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của nhau. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến, nhưng có quyền ngắt những ý kiến không có liên quan đến vụ án. Cùng với chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa đóng vai trò rất quan trọng đối với việc được kiện hay thua kiện, chính vì vậy các bên đương sự phải "tự thể hiện mình" trước HĐXX thông qua lập luận chứng minh cho yêu cầu của mình hoặc phản bác lại yêu cầu của phía bên kia. Quá trình đối đáp và tranh luận, HĐXX chỉ là người đứng giữa, người thứ ba làm nhiệm vụ điều khiển và định hướng cuộc tranh luận.

Việc quy định người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác là không bảo đảm nguyên tắc tranh tụng vì họ là người đưa ra yêu cầu... đối với người khác cũng như đưa ra các đề xuất giải quyết vụ án, những đề xuất này đang là giả thiết, vậy mà giả thiết đó bị quan điểm của người khác tham gia tranh luận bác bỏ mà đương sự không đáp lại để bảo vệ quan điểm của mình thì trách nhiệm chứng minh, bảo vệ quyền lợi của họ không được coi là thực hiện được mà phải được coi là họ đã từ bỏ quyền yêu cầu đã đưa ra và trong phần phát biểu ý kiến. Chủ tọa phiên tòa không được định trước thời gian tranh luận cũng như không được hạn chế thời gian phát biểu của các bên, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến của họ. Đây là điểm mới của BLTTDS 2004 so với PLTTGQCVADS nhằm bảo đảm tính tranh tụng dân chủ, công khai và bình đẳng giữa các đương sự.

Trong những vụ án có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa thì Điều 234 BLTTDS: "*sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp xong, Chủ tọa phiên tòa đề nghị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án*"

Theo chúng tôi, trên phương diện lý luận cũng như thực tiễn xét xử thì nên bỏ quy định này.

Sau khi tranh luận mà xét thấy " *có tình tiết của vụ án chưa được xem xét, việc xem xét chưa được đầy đủ hoặc cần xem xét thêm chứng cứ* " thì HĐXX quyết định trở lại việc hỏi, sau khi hỏi xong phải tiếp tục tranh luận (Điều 235 BLTTDS). Quy định trên bảo đảm cho mọi tình tiết của vụ án phải được sáng tỏ trước khi HĐXX vào nghị án và tuyên án. Từ đó nâng cao chất lượng của bản án được tuyên

*Tóm lại*, thủ tục tranh luận là thủ tục rất quan trọng tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, là hoạt động xác định các tình tiết, nội dung của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ nhất. Thông qua trao đổi, đối đáp với nhau về các vấn đề thuộc nội dung vụ án, nó có thể kiểm nghiệm việc hỏi đã đầy đủ chưa, đồng thời các quan điểm đánh giá khác nhau về từng vấn đề của vụ án được bộc lộ, giúp cho HĐXX có được cách nhìn nhận toàn diện nội dung vụ án và đề ra được phán quyết đúng đắn.

### **Chương 3**

## **THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỦ TỤC HỎI VÀ TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TÒA DÂN SỰ SƠ THẨM**

### **3.1. Thực tiễn áp dụng thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004**

#### **3.1.1. Những ưu điểm và hạn chế của thực tiễn áp dụng các quy định về thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm;**

##### *3.1.1.1. Những ưu điểm của quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng*

Tác giả nhận định thực tiễn áp dụng những có những ưu điểm sau:

*Một là*: Quá trình áp dụng thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thời gian qua đã tuân thủ được các nguyên tắc tố tụng nói chung và các nguyên tắc xét xử, hỏi và tranh luận tại phiên tòa nói riêng, bảo đảm tính uy nghiêm của phiên tòa, tính công bằng, dân chủ và nghiêm minh của pháp luật.

*Hai là*: Các quy định về trình tự, thủ tục hỏi, tranh luận, nghị án và tuyên án với những trình tự chặt chẽ, mối quan hệ nội tại logic cao dựa trên các nguyên tắc TTDS áp dụng đối với từng chủ thể, từng hoạt động tố tụng đã tạo cho HĐXX, luật sư và những người tham gia tố tụng có cơ sở pháp lý để đánh giá tính hợp pháp của các chứng cứ, sự kiện, tình tiết và đưa ra các căn cứ có tính thuyết phục cho quyết định của mình.

*Ba là*: Thực tiễn qua hơn 6 năm thi hành BLTTDS với số lượng các vụ án đưa ra xét xử sơ thẩm năm sau cao hơn năm trước, án năm sau phức tạp hơn năm trước nhưng Tòa án vẫn giải quyết đúng thời hạn, xét xử đúng pháp luật. Tỷ lệ án bị hủy, sửa ngày càng giảm.

### *3.1.1.2. Những tồn tại, hạn chế của pháp luật và thực tiễn áp dụng*

*Thứ nhất:* Trong giai đoạn hỏi tại phiên tòa thì việc hỏi nguyên, bị đơn là chiếm nhiều thời gian nhất. Thực tiễn xét xử cho thấy nhiều Thẩm phán do trình độ nghiệp vụ non kém hoặc do không chuẩn bị từ trước nên đã mắc sai lầm đáng tiếc dẫn đến vi phạm thủ tục tố tụng.

*Thứ hai:* Bộ luật TTDS năm 2004 xác định chỉ được hỏi đương sự về những vấn đề mà họ trình bày chưa rõ, hoặc có mâu thuẫn... Song thực tiễn áp dụng cho thấy ở nhiều phiên tòa dân sự sơ thẩm việc hỏi của HĐXX không tuân thủ các quy định trên, còn phiến diện thiếu tính khách quan. Bên cạnh đó các Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa thường có một tâm lý chung là mọi chứng cứ về các tình tiết của vụ án đã được thu thập đầy đủ trong hồ sơ, đã nghiên cứu kỹ, nên chủ tọa phiên tòa quá tin tưởng dẫn đến việc hỏi tại phiên tòa dân sự sơ thẩm qua loa, chiếu lệ, một số tình tiết, chứng cứ của vụ án không được xem xét tại phiên tòa nhưng vẫn được dùng làm căn cứ khi nghị án.

*Thứ ba:* quy định nội bộ về duyệt án trước khi xét xử hiện vẫn đang tồn tại, bộc lộ những hạn chế là: tập thể lãnh đạo Tòa án đã can thiệp sâu vào hoạt động của HĐXX dẫn đến vi phạm. Khi đã vi phạm thì Thẩm phán lại là người phải chịu trách nhiệm. Thêm vào đó là các quy định của BLTTDS năm 2004 cũng chưa được quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm hỏi của từng chủ thể tham gia hỏi, việc hỏi hay không là quyền của đương sự chứ không phải là nghĩa vụ, còn HĐXX có trách nhiệm phải xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án buộc HĐXX phải "làm thay" đương sự.

*Thứ tư:* Việc thực hiện các quy định về phần tranh luận tại phiên tòa DSST vẫn còn nhiều bất cập.

*Thứ năm:* Một trong các vấn đề mà BLTTDS năm 2004 chưa quy định, thực tiễn nảy sinh đó là văn hoá phiên tòa hay không quy định tranh tụng là một nguyên tắc của TTDS

### **3.1.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong thực tiễn áp dụng quy định về hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm**

*3.1.2.1. Một số quy định của pháp luật chưa hợp lý và chưa đáp ứng yêu cầu khách quan*

*3.1.2.2. Số lượng, chất lượng của đội ngũ Thẩm phán chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu mới.*

*3.1.2.3. Những hạn chế, bất cập trong chế định Hội thẩm nhân dân*

*3.1.2.4. Những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động của ngành tòa án nhân dân*

### **3.2. Những bảo đảm cho việc nâng cao chất lượng thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm**

Để đảm bảo cho việc nâng cao chất lượng thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, tác giả luận văn đề xuất một số giải pháp như sau:

**3.2.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng dân sự nói chung và phiên tòa sơ thẩm dân sự nói riêng**

**3.2.2. Nâng cao trình độ nhận thức, chuyên môn nghiệp vụ của thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Luật sư**

**3.2.3. Nâng cao ý thức pháp luật cho quần chúng nhân dân**

**3.2.4. Bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động xét xử**

## **KẾT LUẬN**

Hoàn thiện các quy định của pháp luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm là nhu cầu cấp bách và phản ánh xu thế khách quan của quá trình phát triển. Công cuộc đổi mới của đất nước ta đang bước sang một giai đoạn mới có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc thực hiện mục tiêu hướng tới một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Cải cách hoạt động tư pháp là một trong những nội dung của quá trình đổi mới đồng thời cũng là đòi hỏi đối với năng lực quản lý nhà nước trong việc bảo đảm cho các lĩnh vực trong đời sống kinh tế - xã hội phát triển lành mạnh

Trước yêu cầu của thực tiễn xét xử đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu và kịp thời hoàn thiện các quy định về thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, nhằm nâng cao chất lượng xét xử, phục vụ có hiệu quả hơn nữa yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện nhằm xây dựng Nhà nước pháp quyền, bảo đảm xã hội công bằng, dân chủ.

Qua việc nghiên cứu về phương diện lý luận cũng như phương diện thực tiễn áp dụng các quy định về thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm những năm gần đây, có thể rút ra những kết luận sau:

1- Các quy định về thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên tòa dân sự sơ thẩm phải được quy định theo hướng nâng cao trách nhiệm của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ giữa những người tham gia tố tụng. Việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở pháp luật và các chứng cứ lý lẽ do các bên đương sự đưa ra. HĐXX đưa ra những phán quyết và ra bản án trên cơ sở diễn biến

thực tế tại phiên toà mà không phụ thuộc vào các chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nếu nó không được kiểm tra, xem xét, đánh giá tại phiên toà.

2- Khi tiến hành hỏi phải khách quan, toàn diện và xác định đầy đủ các tình tiết của vụ án. HĐXX là người trọng tài, điều khiển việc hỏi tại phiên toà, các bên đương sự có trách nhiệm tham gia hỏi để làm căn cứ bảo vệ cho các yêu cầu, ý kiến của mình trước Toà án và hỏi để làm sáng tỏ toàn bộ các tình tiết của vụ án.

3- Trong giai đoạn tranh luận, chủ tọa phiên toà giữ vai trò người điều khiển sự tranh luận của những người tham gia tranh luận phải bảo đảm tranh luận giữa những người tham gia tố tụng thật dân chủ và bình đẳng và không bị hạn chế về thời gian. HĐXX phải chú ý lắng nghe ý kiến của các bên làm cơ sở cho việc ra các quyết định về việc giải quyết vụ án một cách chính xác nhất. Cần quy định việc tham gia phát biểu khi tranh luận và đáp lại ý kiến của người khác là bắt buộc đối với các bên đương sự.

4- Các quy định về thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên toà dân sự sơ thẩm trong BLTTDS là cơ sở pháp lý cần thiết cho hoạt động của Toà án, Viện kiểm sát trong việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của mình. Song để đáp ứng đúng đắn, đầy đủ và thống nhất các quy định này, các cơ quan có thẩm quyền cần rà soát lại các văn bản hướng dẫn hiện hành, loại bỏ các văn bản còn chồng chéo hoặc không còn phù hợp, đồng thời cần sửa đổi, bổ sung các quy định sao cho phù hợp với các vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn áp dụng pháp luật.

5- Để nâng cao hiệu quả, chất lượng việc hỏi và tranh luận tại phiên toà dân sự sơ thẩm, ngoài việc không ngừng hoàn thiện các quy định của pháp luật, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, các bên đương sự, Kiểm sát viên cần tuân thủ triệt để các quy định của pháp luật, tránh việc áp dụng các quy định này một cách hình thức. Đồng thời cần phải tiếp tục xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ xét xử, kiểm sát viên, luật sư có đủ trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức cần thiết, đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trên đây là những kết luận rút ra từ quá trình nghiên cứu đề tài: "**Thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên toà dân sự sơ thẩm**". Kết quả nghiên cứu đề tài hy vọng đóng góp một phần nhỏ về mặt lý luận cũng như thực tiễn nhằm hoàn thiện hơn nữa BLTTDS theo tinh thần cải cách tư pháp.